

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2023/DS-ST**

Ngày 30/9/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn;

Ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61A/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 02 đường H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – C/v Tổng giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn V: Ông Phan Công N – C/v: Giám đốc ngân hàng A - chi nhánh M.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đình T – C/v Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh M – có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Sỹ D, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn là ông Bùi Đình Tịnh trình bày:

Ngày 03/11/2017 bà Nguyễn Thị Mỹ L có vay vốn tại Ngân hàng A – chi nhánh M (sau gọi tắt là chi nhánh M), số tiền vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017, Theo hợp đồng đã ký kết các bên thoả thuận lãi suất trong hạn là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm (nếu có); phí trả nợ trước hạn 0,05% (nếu có); phí vay trả trong ngày 1%; phí khác ..., mục đích vay: Chăm sóc cà phê, thời hạn cho vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 01/11/2018, định kỳ trả gốc 01 kỳ, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần. Bà L đã trả nợ gốc 599.500.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2023 dư nợ gốc là 500.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng 30.277.397 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng là 80.517.641 đồng.

Ngày 07/3/2018 bà Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục vay vốn tại chi nhánh M, số tiền vay 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018. Theo hợp đồng đã ký kết các bên thoả thuận lãi suất trong hạn là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm (nếu có); phí trả nợ trước hạn 0,05% (nếu có); phí vay trả trong ngày 1%; phí khác ..., mục đích vay: Chi phí lao động sản xuất và đời sống gia đình, thời hạn cho vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 06/3/2019, định kỳ trả gốc 01 kỳ, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận mặc dù phía chi nhánh M đã nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày 30/9/2023 dư nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng 10.356.164 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng là 144.036.986 đồng.

Tài sản sản bảo đảm cho khoản: Theo nội dung bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản được Ủy ban nhân xã Đ chứng thực ngày 07/3/2018 thì tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 147 tờ bản đồ số 41 diện tích 347 m² (trong đó 90 m² đất ở; đất trồng cây lâu năm 257 m²) tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản sản gắn liền với đất số CL 788721 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/12/2107 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải trả số tiền còn nợ, cụ thể:

- Theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017 bà L, ông D phải trả dư nợ gốc là 500.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng 30.277.397 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng là 80.517.641 đồng (Tính đến ngày 30/9/2023).

- Theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018, bà L, ông D phải trả dư nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng

10.356.164 đồng; nợ lãi quá hạn theo theo hợp đồng là 144.036.986 đồng (Tính đến ngày 30/9/2023).

Buộc bà L, ông D phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính theo lãi suất cho vay thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ sau ngày 30/9/2023 đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Sỹ D, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bà L, ông D đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 200.500.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 40.633.561 đồng, lãi quá hạn là 224.554.627 đồng (tính đến ngày 30/9/2023).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Sỹ D phải hoàn trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L có nơi cư trú tại thôn H, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vấn đề áp dụng về thời hiệu không đưa ra xem xét.

1.3. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện của nguyên đơn là ông Bùi Định T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Sỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Ngày 03/11/2017 bà Nguyễn Thị Mỹ L có vay vốn tại Ngân hàng A – chi nhánh M (sau gọi tắt là chi nhánh M), số tiền vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017. Theo hợp đồng đã ký kết các bên thoả thuận lãi suất trong hạn là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm (nếu có); phí trả nợ trước hạn 0,05% (nếu có); phí vay trả trong ngày 1%; phí khác ..., mục đích vay: Chăm sóc cà phê, thời hạn cho vay 12 tháng, hạn trả trả cuối cùng là ngày 01/11/2018, định kỳ trả gốc 01 kỳ, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần. Bà L đã trả nợ gốc 599.500.000 đồng, tính đến ngày 30/9/2023 dư nợ gốc là 500.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng 30.277.397 đồng; nợ lãi quá hạn theo theo hợp đồng là 80.517.641 đồng.

Ngày 07/3/2018 bà Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục vay vốn tại chi nhánh M, số tiền vay 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018. Theo hợp đồng đã ký kết các bên thoả thuận lãi suất trong hạn là 10,5%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm (nếu có); phí trả nợ trước hạn 0,05% (nếu có); phí vay trả trong ngày 1%; phí khác ..., mục đích vay: Chi phí lao động sản xuất và đời sống gia đình, thời hạn cho vay 12 tháng, hạn trả trả cuối cùng là ngày 06/3/2019, định kỳ trả gốc 01 kỳ, định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận mặc dù phía chi nhánh M đã nhiều

lần yêu cầu. Tính đến ngày 30/9/2023 dư nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng 10.356.164 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng là 144.036.986 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 147 tờ bản đồ số 41 diện tích 347 m² (trong đó 90 m² đất ở; đất trồng cây lâu năm 257 m²) tại xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 788721 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/12/2107 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L theo nội dung bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản được Ủy ban nhân dân Đ chứng thực ngày 07/3/2018. Toàn bộ quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, cam kết thế chấp tài sản bảo đảm ông Đặng Sỹ D đề ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là người thực hiện. Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng phía Ngân hàng A chi nhánh Đắk Mil đã giải ngân cho bà L, ông D toàn bộ số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3.2. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và cam kết thế chấp tài sản thể hiện sự tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017 với số tiền gốc là 595.500.000 đồng, tiền lãi là 101.500.000 đồng, từ ngày 06/01/2021 đến nay không tiếp tục thanh toán cho chi nhánh M. Đối với hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018, bà L, ông D, bà L trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 10.643.836 đồng từ ngày 06/3/2019, cho đến nay không tiếp tục thanh toán. Như vậy, bà L, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 9 trong các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết nên việc Ngân hàng A kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông D phải thanh toán số tiền còn nợ theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 465.688.188 đồng, trong đó: Theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017 với số tiền nợ gốc là 500.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo hợp đồng là 30.227.397 đồng, lãi quá hạn theo hợp đồng 80.517.641 đồng; theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018 số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo hợp đồng là 10.356.164 đồng, lãi quá hạn theo hợp đồng 144.036.986 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Đối nghĩa vụ thanh toán: Ông Đặng Sỹ D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được thực hiện việc ký kết các hợp đồng tín dụng cũng như cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản, số tiền vay đều sử dụng vào mục đích gia đình theo khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là khoản nợ chung của bà L và ông D nên cùng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A.

3.4. Đối với tài sản bảo đảm cho các khoản vay là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 147 tờ bản đồ số 41 diện tích 347 m² (trong đó 90 m² đất ở; đất trồng cây lâu năm 257 m²) tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 788721 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/12/2107 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ

L, Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và trường hợp xảy ra tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

3.5. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết vụ án tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng A phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.025.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền 3.025.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2023 theo các hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018 là 465.688.188 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 200.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 40.633.561 đồng, nợ lãi quá hạn là 224.554.627 đồng.

1.2. Kể từ ngày 01/10/2023 cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201701775 ký kết ngày 03/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018004407 ký kết ngày 07/3/2018.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng A phải chịu lệ phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.025.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.025.000 đồng Ngân hàng A đã nộp.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Đặng Sỹ D phải chịu số tiền 22.627.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 11.129.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0009316, ngày 08 tháng 6 năm 2023 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Đình Hội